



ISSN
1859-3968

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
Tập 27, Số 2 (2022): 91-100

Email: Tapchikhoahoc@hvu.edu.vn Website: www.hvu.edu.vn

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
HUNG VUONG UNIVERSITY
Vol. 27, No. 2 (2022): 91-100

ĐẶC ĐIỂM THƠ TỔNG BIỆT CHÍ ĐÌNH NGUYỄN VĂN LÝ

Hán Thị Thu Hiền^{1*}, Dương Thị Bích Liên¹

¹Khoa Khoa học Xã hội và Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Ngày nhận bài: 18/11/2021; Ngày chỉnh sửa: 08/02/2022; Ngày duyệt đăng: 11/02/2022

Tóm tắt

Nguyễn Văn Lý là một tác giả có số lượng thơ tổng biệt tương đối lớn với 110 tác phẩm. Những thi phẩm này mang nhiều nét nổi bật trong nội dung cảm xúc và nghệ thuật. Về nội dung cảm xúc, thơ tổng biệt của ông đã thể hiện được tình cảm với đất nước, quê hương, tình cảm gia đình và tình cảm bạn bè. Những nội dung cảm xúc này đều xúc động, chân thành, dung dị. Về nghệ thuật, sự đan xen của những kiêu thời gian, miền không gian khác nhau cũng như cách sử dụng các hình tượng nghệ thuật tiêu biểu đã góp phần thể hiện sâu sắc những cung bậc cảm xúc khác nhau của buổi tổng biệt.

Từ khóa: Nguyễn Văn Lý, thơ tổng biệt, nội dung cảm xúc, nghệ thuật.

1. Đặt vấn đề

Thơ tổng biệt được hiểu “là những tác phẩm thơ mà chủ thể sáng tác là người ở lại viết để tiễn biệt một ai đó khi họ dịch chuyển không gian sống từ một nơi này đến một nơi khác... thơ tổng biệt là một thể tài văn học, đa dạng trong loại hình sáng tác. Nội dung chính của thơ tổng biệt là thể hiện tình cảm, cảm xúc cùng những lời chúc, những tâm sự của người ở lại với người ra đi” [1]. Trước thế kỷ XVIII, thơ tổng biệt trung đại Việt Nam đã xuất hiện trong sáng tác của Trần Nhân Tông, Trần Minh Tông, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh [2-4], Nguyễn Bảo [5]... Sau thế kỷ XVIII, số lượng tác phẩm thuộc thể tài này phát triển mạnh mẽ, trong đó, Nguyễn Văn Lý là một tác giả sáng tác tương đối nhiều. Tiến hành khảo sát 925 bài

thơ chữ Hán của ông trong hai cuốn tổng tập [6, 7], chúng tôi thống kê được 110 bài thơ tổng biệt (chiếm 11,8% tổng số tác phẩm khảo sát). Khảo sát một số tác giả tiêu biểu cùng giai đoạn cuối thế kỷ XVIII-XIX cho thấy, Nguyễn Văn Lý là người có số lượng thơ tổng biệt nhiều nhất (Phạm Phú Thứ 99 bài [8], Cao Bá Quát 67 bài [9, 10], Nguyễn Văn Siêu 30 bài [11]...). Mặc dù số lượng thơ tổng biệt của Nguyễn Văn Lý lớn, nhưng những nghiên cứu về mảng thơ này của ông còn rất khiêm tốn. Trong bài viết “Nguyễn Văn Lý - kẻ sỹ, nhà văn hóa đất Thăng Long”, tác giả Trần Thị Băng Thanh đã chỉ ra thời điểm sáng tác một số bài thơ tổng biệt của ông trong khoảng 1834-1841, khoảng thời gian dường như rất nhàn hạ của Chí Am [12]. Hán Thị Thu Hiền đã có nghiên cứu về khát

*Email: hienhan@hvu.edu.vn

vọng trở về trong thơ Chí Đình Nguyễn Văn Lý [13]. Tuy nhiên, những nghiên cứu về thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý cần được thực hiện một cách hệ thống hơn. Bài viết này hướng tới phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật thơ tống biệt của Nguyễn Văn Lý để thấy được những đóng góp của ông cho thể tài tống biệt trong thơ trung đại Việt Nam.

2. Nội dung

Nguyễn Văn Lý (1795-1868), húy Dưỡn, thường được gọi là “Cụ Nghè Đông Tác”, tự Tuần Phủ, hiệu Chí Đình, Chí Am, Chí Hiên, biệt hiệu Đông Khê. Ông người làng Đông Tác - một làng cổ của kinh thành Thăng Long. Ông sinh ra trong một gia đình dòng dõi vọng tộc, có truyền thống thi thư. Cuộc đời làm quan có nhiều thăng trầm nhưng ông luôn là người một lòng trung tín, trách nhiệm với vua, với dân. Ông để lại một khối lượng sáng tác lớn cả thơ và văn, trong đó mảng thơ phong phú và đa dạng hơn. Theo như số liệu thống kê đã nêu ở trên 110/925 bài thơ của ông là thơ tống biệt. Đây là một số lượng tương đối lớn. Trong 110 tác phẩm thì 107 tác phẩm tống biệt bạn bè (chiếm 97,2%). Chỉ có 3 tác phẩm tống người thân, 1 bài tống con gái, 1 bài tống cháu và 1 bài tống em bên ngoại. Như vậy, đối tượng đưa tiễn trong thơ tống biệt của Nguyễn Văn Lý chủ yếu là bạn bè. Điều này cũng dễ hiểu, bởi như Tảo Trang đã nói “Nguyễn Văn Lý rất đông bạn bè. Bạn học thời thanh thiếu niên, bạn cùng đi thi, cùng đỗ ở hai kỳ thi Hương và ba kỳ thi Hội, bạn đồng liêu ở miền Bắc, miền Trung và tới cả Gia Định miền Nam...” [14]. Cũng trong 110 bài, có 23 bài tống người về quê, 26 bài tống người đi nhậm chức, 14 bài tống người đi sứ, còn lại 47 bài tống với những lý do khác

n nhau như đi thi, đi làm giám khảo trường thi, đi về kinh, đi lên biên giới... Có thể thấy những lý do đưa tiễn trong thơ Nguyễn Văn Lý tương đối phong phú, gắn liền với những mối quan hệ khác nhau trong suốt cuộc đời ông. Sự phong phú về số lượng, đa dạng trong đối tượng đưa tiễn cũng như lý do đưa tiễn đã giúp thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý thể hiện những đặc điểm nổi bật trong nội dung cảm xúc cũng như nghệ thuật.

2.1. Nội dung cảm xúc của thơ tống biệt Chí Đình Nguyễn Văn Lý

Nội dung cảm xúc trong thơ tống biệt Chí Đình Nguyễn Văn Lý được thể hiện sâu sắc trên ba phương diện: Tình cảm với đất nước, quê hương, tình cảm với gia đình, tình cảm với bạn bè.

Tình cảm với đất nước, quê hương: Qua các cuộc tống tiễn khác nhau, Nguyễn Văn Lý đã thể hiện tinh thần yêu nước sâu sắc của một nhà nho chân chính. Trước hết ông dành những lời ngợi ca về vua cũng như những thắng cảnh của non sông đất nước. Tiễn người về quê, về hưu, ông ngợi ca đức độ, sự thấu hiểu lòng người của vua dành cho quần thần: “*Đế tư cựu đức chân ưu ngộ*” (Nhà vua nhớ tới người cũ có đức, thật là cuộc “tri ngộ” ưu ái) (*Tống Đốc Lâm Công Chấn Hiên lai kinh điều dụng, phụng tiễn*). Tiếng thơ ngợi ca nhà vua còn thể hiện qua việc xây dựng, khắc họa những hình ảnh đẹp. Ông miêu tả hình ảnh nhà vua giản dị, gần gũi thông qua hành động đích thân đẩy xe tiễn người tãi: “*Thôi cóc quân vương đặc trọng tãi*” (Quân vương thân đẩy xe tiễn, tỏ lòng trọng người tãi) (*Chế đài Đặng Tường Công điều cải Định An tống đốc báii tiễn*). Không chỉ ngợi ca vua, ông còn dành những lời ngợi ca tốt

bạc dành cho non sông đất nước. Trong bài *Đông Châu binh bộ chủ sự thắng bỏ Từ Sơn thái thú Phương Uyên Đình tiến hàn*, ông đã ngợi ca về đất và người Bắc Giang: “*Bắc Giang thiên địa chân thần tú/Đông Ngạn lưu diêm tấn tuấn tài*” (Trời đất Bắc Giang thật đẹp, đến thần kỳ/Làng quê Đông Ngạn thầy là bậc anh tài). Tình cảm với đất nước còn được thể hiện qua ý thức trách nhiệm của ông với non sông đất nước. Ông hay nói tới tấm lòng kẻ bề tôi như một cách để nhấn mạnh ý thức về trách nhiệm: “*Nhất phiến xích tâm nan đắc tự*” (Một tấm lòng sắt son khó ai được như thế) (*Tâm khế Tân Xuyên dĩ Thái Phiên thắng bỏ Hà Tiên bố chính, hộ lý tuần phủ, đạo kinh Hà Thành, thư tiến*), “*Thần tâm chiêm khuyết đối tam niên*” (Tấm lòng kẻ bề tôi trông về nơi cửa khuyết đã ba năm (*Hà Nội nguyên phiên đài xu cận, thư tiến*)). Ông còn thường dùng hình ảnh mái tóc bạc như một cách chứng minh chân thực nhất cho tấm lòng của mình: “*Nhung mã thần lao bạch phát trì*” (Việc quân sự, kẻ bề tôi khó khọc, mái tóc bạc từ lâu) (*Tâm khế Tân Xuyên dĩ Thái Phiên thắng bỏ Hà Tiên bố chính, hộ lý tuần phủ, đạo kinh Hà Thành, thư tiến*). Nguyễn Văn Lý còn thể hiện lòng biết ơn với những ưu ái mà nhà vua dành cho quần thần: “*Đế ân trù tích đa ưu lão*” (Ơn vua khi trước nhiều ưu ái cho bậc lão thành) (*Ký tiến Lễ bộ Thượng thư Phan Công trí sỹ*), “*Vũ lộ tùng thiên bỏ tứ nhuận*” (Ơn mưa móc thiên tử ưu đãi, ban cỗ xe tứ mã bánh bọc cỏ bỏ đi rất êm) (*Bùi Công trí sự, thư tiến*)... Lòng biết ơn luôn được diễn tả ở trạng thái đong đầy: “*Thành toàn huống thị quốc ân đa*” (Huống chi được thành đạt vẹn toàn, là nhờ ơn nước rất nhiều) (*Cửu nhật tổng Nguyễn Niết quy điền*)...

Thơ Nguyễn Văn Lý thể hiện tình cảm sâu sắc với quê hương. Tình cảm trực diện nhất với quê hương là nỗi nhớ. Nỗi nhớ dài như những bài trường ngâm bất tận: “*Bắc vãng trường ngâm hữu sở tư*” (Ngâm nga bài thơ dài về Bắc có nỗi nhớ nhung) (*Tổng hữu*). Nỗi nhớ luôn thường trực khiến con người càng khao khát trở về, khao khát muốn về. Nỗi niềm ấy được thể hiện qua cả hành động, cử chỉ và lời nói. Tiễn người đi vào ngày tết Trưng Dương trong không gian mưa thu giăng khắp, Nguyễn Văn Lý lên đài cao ngóng trông về quê hương: “*Mãn thành thu vũ vọng hương đài*” (Khắp thành mưa thu, lên đài ngóng cổ hương) (*Tổng biệt hữu hoài*). Khát vọng trở về còn được thể hiện bằng việc ông hay dùng cách nói khẳng định, khẳng định việc trở về quê nhà là đúng “*xưng lão quy*”, là cần thiết “*đáng trú du*”, là phù hợp: “*Tháng lai lưu thất quả hà tham*” (Nếu được về ngôi nhà ở quê thì có gì là tham đâu) (*Tiến Thường Tín Trần Thái Thú hồi quá tình thân*).

Tình cảm gia đình: Nguyễn Văn Lý có ba bài thơ tiễn người thân. Cả ba bài thơ đều thể hiện được tình cảm gia đình gắn bó, sâu sắc. Tiễn cháu đi làm huấn đạo ở Nga Sơn, ông nhắc nhở truyền thống gia đình: “*Y quan bách niên gia/Phò Hình công dĩ hậu/Tam thế thất đấng khoa*” (Gia đình trăm năm mũ áo/Từ cụ Phó làm bộ Hình về sau/Ba đời, bảy người đỗ đạt) (*Tổng tông tử Mậu Tùng Tiến Phủ chi Nga Sơn Huấn đạo*). Tiễn em ngoại đi nhậm chức, ông vui mừng với những điều tốt lành cho người thân của mình: “*Cách tuế quan hà đáng hảo âm*” (Quan hà qua một năm, đây đáng coi là tin tốt lành) (*Tổng nhân đệ cử nhân Giản Phu chi Bắc Ninh hậu bổ*). Sâu sắc và xúc động hơn cả là bài thơ *Thu tổng nữ từ hoàn gia ngẫu thành*. Thi phẩm

này ông viết tiễn tặng con gái về Bắc. Nhan đề thi phẩm có cụm từ *ngẫu thành*, tức là cảm xúc bất chợt, ngẫu nhiên mà thành thơ. Chính vì ngẫu nhiên nên xúc cảm rất đối tự nhiên, chân thành và dào dạt. Nét đặc sắc của bài thơ là cách thể hiện tình cảm của người cha dành cho con dung dị, kín đáo nhưng không kém phần sâu sắc. Bao nhớ thương cha gói kín trong lòng: “*Ám nhiên hữu sở ti*” (Trong lòng âm thầm nỗi nhớ thương). Không kể lể dài dòng nhưng qua từng câu chữ người đọc thấy được cả khoảng thời gian dài khi con chưa xuất hiện đến khi con được sinh ra, lớn lên, quần quýt bên cha đều được người cha lưu giữ thật cẩn trọng trong tâm trí. Cảm xúc trào dâng khiến người cha bật khóc trước cuộc chia ly: “*Bất tằng thất nhật lệ/Nhi kim cảnh hà kỳ*” (Từ trước cha chưa từng một lần rơi nước mắt/Thế mà hôm nay cha sao vậy?). Ly lệ vốn là hình tượng quen thuộc trong thơ tống biệt nhưng giọt nước mắt tiễn con như thế này thật hiếm hoi và cảm động. Nó mang sức nặng của tình phụ tử với những nhớ thương, đau đốn, hy vọng... Sức nặng của tình cha con đậm sâu hơn bởi hai câu kết:

“*Nhĩ quy thành đắc sở*”

Con về thật thích hợp cho con

“*Ngô tại tương hà vi?*”

Nhưng cha ở lại biết làm thế nào cho khuây khỏa đây!

Sự vĩ đại của người cha chính là ở chỗ hiểu, chấp nhận những điều gì là tốt nhất cho con. Bài thơ đọng lại hình ảnh người cha cô đơn và chưa biết làm sao để vượt thoát khỏi nỗi buồn, niềm nhớ thương khi chia xa người con của mình. Đây có lẽ là một trong những cuộc chia tay nhiều xúc cảm nhất trong thơ tống biệt giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX. Cùng với những bài thơ nổi tiếng của Cao

Bá Quát viết về con như *Hữu sở tư, Mộng vong nữ* hay chùm thơ *Xuân nhật thị chư nhi* của Nguyễn Khuyến, bài thơ *Thu tống nữ từ hoàn gia ngẫu thành* của Nguyễn Văn Lý đã góp phần thể hiện trọn vẹn hơn chủ đề tình cảm cha con trong thơ trung đại.

Tình cảm bạn bè: Với 107/110 bài thơ tiễn bạn, có thể thấy tình cảm bạn bè là một trong những nội dung cảm xúc nổi bật trong thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý. Nội dung cảm xúc này được thể hiện với nhiều cung bậc từ ngợi ca đến lưu luyến, bịn rịn. Cảm xúc ngợi ca bạn bè của ông cũng rất độc đáo. Có khi ông thể hiện kín đáo thông qua cách khẳng định cách thức tuyển lựa người của triều đình phong kiến theo kiểu như: “*Miếu đường khả thị tư hiện thiết*” (Triều đình đúng là tha thiết nghĩ đến người tài giỏi) (*Tiền Lạng Sơn tuần phủ Phan quân nhập vi hộ bộ tham tri*). Cũng có khi ngầm ý ngợi ca được toát lên bằng cách thể hiện thái độ tiếc nhớ, bịn rịn của những người dân địa phương về sự kiện lên đường của người đi hay sự mừng vui của người dân khi người đi sẽ tới. Ông hay dùng cách diễn đạt gián tiếp theo kiểu này: “*Trị hạ phan viên tư phụ mẫu*” (Nơi đang làm quan, dân chúng vịn xe, nhớ nhưng như nhớ cha mẹ) (*Tiền Thọ Xương Doãn Phan Kỳ Chi thăng Lạng Bình ngự sử - kỳ nhất*), “*Lai xa nhân hỉ, khứ nhân tị*” (Xe ông đến mọi người vui mừng, ông đi mọi người nhớ tiếc) (*Tống bản huyện Doãn Nguyên Khánh Hải thăng thái thú chi hành*), “*Thử châu tương hỷ vị/Minh phượng cánh trùng lai*” (Người châu này mừng bảo nhau/Chim phượng hót mừng lại đến thành lần này nữa) (*Phan Thị Lang Mai Xuyên khâm mệnh thư tiễn*)... Khi tiễn người đi nhậm chức hay làm chủ khảo trường thi, lời ngợi ca của ông lại thường nhấn mạnh và khẳng định người lên đường hoàn toàn phù hợp với chức vụ mới được giao. Một loạt các bài như *Tống*

bản huyện Doãn Nguyễn Khánh Hải thăng thái thú chi hành, Tiễn Lạng Sơn tuần phủ Phan Quân nhập vi hộ bộ tham tri thể hiện rất rõ cách ngợi ca như thế.

Bên cạnh cảm xúc ngợi ca đầy trân trọng dành cho người đi, thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý còn cho thấy tình cảm bạn bè gắn bó đầy bịn rịn, lưu luyến. Chia tay mà không nỡ rời: “*Ác thủ tương phùng hựu nhất niên*” (Cầm tay nhau lại một năm rồi mới được gặp lại) (*Ước phụ tự trấn Tây lộ hoàn tương quá Gia Định yêu quy lộ sở lưu túc, cập hoàn thư tiển*)... Buồn, tiếc, đau đớn, sợ ly biệt.. là những phức hợp cảm xúc được ông diễn tả rất thành công. Nỗi buồn khi chia biệt không phải là nỗi buồn bình thường mà là nỗi buồn khiến con người “phiêu tán cả hồn”: “*Quan hà duy biệt tức hồn tiêu*” (Trong chốn quan hà, chỉ khi chia biệt là buồn đến phiêu tán cả hồn) (*Tuyên Quang niết sứ Bùi Hữu Trúc nội chuyển quốc sử quán Toàn Tu, thư tiển*). Từ trạng thái lưu luyến, bịn rịn, đau buồn, tiếc nuối khi chia biệt, dòng cảm xúc của người tiễn sau biệt ly chuyển thành trạng thái thần thờ, băng khuâng, bồi hồi, nhiều lúc khiến con người như không chịu nổi: “*Tôn tửu bồi hồi dĩ bất chi*” (Cầm chén thần thờ như không sao chịu nổi) (*Đông Chí bôi thứ thư tiển Định Tường niết sứ Cao Hi Phùng*). Nỗi nhớ là cảm xúc bao trùm nhất trong những cuộc tống biệt. Nỗi nhớ kéo dài theo thời gian: “*Tạm trung phân thủ tư thần tịch*” (Trong lúc tạm chia tay, sớm tối nhớ nhung) (*Cửu nhật Hàn Vũ, tiển khế nhị Vũ Ninh phủ chi Nam Định trưởng khảo quan*). Âm ảnh hơn cả là tâm thế cô đơn, cô quạnh của con người sau biệt ly. Tiễn bạn về quê, ông chỉ còn biết ngồi lặng trên ghé và một mình tìm lên núi: “*Quy triều tề khởi mã/Ấn ký độc tâm san*” (Hai bác về triều cùng lên ngựa/Kẻ ngồi lặng ẩn trên ghé, một mình tìm

lên núi) (*Thu Khanh Sài Phong, Đông Khanh Mi Xuyên mộng ân giả hoàn hương, cập hồi triều tương phùng dư thích khí Sơn Bình thụ quán, thư tiển*). Không chỉ dừng lại ở cách gọi tên, ở những cung bậc cảm xúc khác nhau khi chia biệt, những cuộc tống tiễn vô hình trở thành minh chứng sống động nhất cho sự đồng cảm, thấu hiểu giữa hai người bạn: “*Tùng cúc giải liên thanh mộng viễn*” (Hiểu được niềm yêu thích giấc mộng tùng cúc trong trẻo xa xôi) (*Vũ Tôn Hiên cập sự trung bộ vi Hải Dương đốc học, thư tiển*). Tình bạn vượt lên trên những giá trị vật chất tầm thường: “*Bản bạc quân gia tàn sách mẽ/Tống tương liên phẩm trị thiên tâm*” (Nhà anh nghèo khó, nhiều lần phải kiếm gạo/Lại đem tặng tôi thuốc tiên đáng giá ngàn vàng) (*Cựu thuộc thông phán Trương Hữu Quỳnh hộ thủy xá quốc sử thượng kinh, phông ngư sở cập hoàn, thư dữ chi*). Tình bạn ấy còn vượt qua cả những lễ nghi vốn được coi là trang trọng: “*Đảo lý tương phùng thả yếu luân*” (Xỏ lẫn guốc ra đón nhau, lại bàn luận những việc quan trọng) (*Tiên kiến thủy thái thú Bảo Triện Trần Quân tương phùng, cập hoàn thư tiển*).

Như vậy, dù là tình cảm với đất nước, quê hương hay tình cảm dành cho gia đình, bạn bè, thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý đều cho thấy sự xúc động, chân tình, dung dị trong xúc cảm. Những cuộc tống tiễn vì thế mà trở nên chân thực đời thường.

2.2. Nghệ thuật thơ tống biệt Chí Đình Nguyễn Văn Lý

Nghệ thuật trong thơ tống biệt Chí Đình Nguyễn Văn Lý nổi bật trên các phương diện về thời gian, không gian và hình tượng.

Thời gian nghệ thuật: Thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý sử dụng hai kiểu thời gian tống biệt tiêu biểu là thời gian khoảnh khắc

và thời gian đan xen quá khứ, hiện tại, tương lai. Nét đặc trưng nổi bật dễ nhận thấy nhất của thời gian khoảnh khắc chính là cách thể hiện trạng thái nhanh, vội vã. Dường như con người chưa kịp chuẩn bị tâm thế cho cuộc chia tay nhưng thời khắc chia tay đã tới. Tưởng chừng vừa mới gặp nhau mà cánh buồm chia xa đã ra tới đầu sông: “*Ngã mã phương văn huyên bộ nội/Phiến phàm thúc dĩ xuất giang đầu*” (Đang nghe tiếng năm ngựa huyên nào trong bộ/Cánh buồm thoát đã ra đầu sông) (*Tiền Thường Tín Trần Thái Thú hỏi quán tỉnh thân*). Đặc biệt, với những người bạn tri âm, tri kỷ, thời gian khoảnh khắc làm cho cảm xúc của người trong cuộc thêm muôn phần xúc động: “*Nhân sinh hành chỉ tống tỳ duyên*” (Được gặp nhau thoáng chốc nên kinh sợ khi tiễn biệt) (*Cao Chu Thần bát nhập hội thí quy, thư tống*). Vội vàng ngay cả trong lời nói chia xa: “*Bích chàng nam chi vạn sơn tri*” (Nói lời chia biệt vội vàng bên bờ sông Nhị) (*Tâm khế Tân Xuyên dĩ Thái Phiến thăng bổ Hà Tiên bố chính, hộ lý tuần phủ, đạo kinh Hà Thành, thư tiễn*). Cũng có khi, sự thúc giục lại nằm chính trong cảm nhận của người tiễn. Trong những bài như *Tống bản huyện Doãn Nguyễn Khánh Hải thăng thái thú chỉ hành* hay *Phan Sài Phong dĩ kim hạ hồi triều, thư thử vi tiễn*, Nguyễn Văn Lý hay dùng hình ảnh màu vàng của hoa mai như một ám ảnh giục người lên đường... Thời gian khoảnh khắc làm cho cảm xúc của các cuộc tống tiễn dồn nén hơn. Đồng thời, nó cũng tạo nên sự khác biệt trong cách cảm nhận thời gian theo kiểu bình thản, tĩnh lặng vốn có của người trung đại. Tư duy thơ vì thế gần với tư duy thơ của người hiện đại.

Thơ tống biệt của ông cũng rất thành công khi tái hiện thời gian đan xen quá khứ, hiện tại, tương lai. Thời gian quá khứ thường nổi bật với cách thể hiện một khoảng thời gian

cụ thể nhưng kéo dài cùng những số liệu thời gian chính xác như bảy năm, mười tám năm, hai chục năm, ba mươi một năm, bốn mươi năm. Những bài như *Ký tiễn lễ bộ thượng thư Phan Công trí sỹ* hay *Tống Đồng Khế Yên Thái tiễn sỹ Nguyễn Ước Phu, bị thôi, tâm khát hoàn hương* tiêu biểu cho cách thể hiện thời gian này. Thời gian tương lai trong thơ ông thường được đặc trưng bằng cách đặt câu hỏi với các từ để hỏi như *hà nhân, hà nhật* như: “*Phong sương giang thượng biệt/Hậu hội thị hà nhân*” (Từ biệt nhau trên sông trong gió sương/Lần gặp nhau sau biết có nhân duyên nào?) (*Tống Nguyễn Tử Hựu miễn tội Ninh Gia*); “*Hà nhật luận văn trùng ác thủ*” (Đến ngày nào mới được cầm tay cùng bàn luận văn chương) (*Đông Chí bôi thư thư tiễn Định Tường niết sứ Cao Hi Phùng*). Điều đặc sắc trong cách thể hiện thời gian đan xen quá khứ - hiện tại - tương lai là ông còn tạo kiểu bố cục theo mạch thời gian tuyến tính hay những kiểu cặp câu sóng đôi. Thông thường trong một bài thơ, hai câu đầu tái hiện thời gian quá khứ, hai câu kết viết về thời gian tương lai trong tưởng tượng. Kiểu thời gian này được thể hiện tiêu biểu trong các bài như: *Ký tiễn lễ bộ Thượng thư Phan Công trí sỹ*, *Đông Chí bôi thư thư tiễn Định Tường niết sứ Cao Hi Phùng*... Cách thể hiện thời gian đan xen quá khứ - hiện tại - tương lai đã giúp cho kết cấu các bài thơ tống biệt của Nguyễn Văn Lý chặt chẽ và sáng rõ hơn.

Không gian nghệ thuật: Không gian trong thơ tống biệt trung đại Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX “phần nhiều gọi không gian ảo, đây là không gian trong tưởng tượng của người đưa tiễn” [1]. Không gian trong thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý phần lớn cũng là sự kết hợp của nhiều miền không gian tưởng

tượng khác nhau như không gian hải ngoại, không gian quê nhà, không gian biên tái.

Ở những bài thơ tiễn người đi sứ là miền không gian hải ngoại. Tiễn bạn đi sứ sang Tân Gia Ba, Giang Lưu Ba ông gợi ra không gian biển khơi ngàn dặm với hành trình lòng vòng: “*Đà Nẵng sà phù vân diều diều/Côn Luân phàm ảnh nguyệt mang mang*” (Thuyền sứ ra đi từ Đà Nẵng mây mờ mịt/Bóng cánh buồm qua Côn Lôn, trăng mênh mang) (*Tổng Đỗ Kính Hồ chi Giang Lưu Ba*). Cùng với không gian đó là hình ảnh cánh buồm lênh đênh, cô lẻ giữa trùng dương: “*Thiên ngoại cô phàm nhân khứ quốc*” (Cánh buồm lẻ loi ngoài trời thăm, người rời xa đất nước) (*Tổng Trần Quân Tú đình thừa vân bằng thuyền vãng Tân Gia Ba công vụ, thứ Quảng Nam tuần phủ Ngụy công thiện phủ nguyên vận*). Với những bài thơ tiễn bạn đi sứ Tây thì đó lại là miền không gian lạ lẫm với cả người đi, kẻ tiễn, lạ vì chưa từng đặt chân đến: “*Tinh sà cổ vị đảo Trương Khiên*” (Bè sứ, thời cổ Trương Khiên chưa từng đến) (*Tiễn Trần Tú Đình phục như Tây sứ*). Tiễn bạn đi sứ sang Trung Hoa ông thường gợi ra miền không gian với những khung cảnh của hồ Động Đình hay núi Lãng Bạc: “*Lãng Bạc yên hoa xuân dục bán/Động Đình vân thủy nguyệt cư tam*” (Khói hoa trên hồ Lãng Bạc, mùa xuân đã qua gần nửa /Mây nước trên hồ Động Đình, đã vào tháng ba rồi) (*Tổng Như Yên bồi thần Nguyễn Chiêu Lê Quang*). Hình ảnh những núi non xanh ngắt một màu cũng tôn thêm vẻ kỳ vĩ của xứ sở này: “*Tây Sở phàm thông thiên thủy viễn/Bắc Yên thiên nhập vạn sơn thương*” (Buồm thông đến Tây Sở, ngàn sông xa xôi/Trời vào Bắc Yên, muôn núi xanh ngắt) (*Phụng tống lễ bộ thị lang Vương Tế Trai sung Như Yên giáp sứ*)...

Tiễn bạn về quê ông thường vẽ ra không gian quê nhà. Không gian ấy là miền không gian rực rỡ sắc màu. Niềm vui của lòng người như hòa vào niềm vui cảnh vật. Nghệ thuật vừa đi đường vừa tả cảnh đã giúp tạo ra những mảng không gian đầy tươi sáng: “*Đình Trạm sơ khai toàn cảm lộ/Nhất giang xuân sắc liễu đề oanh*” (Từ Đình Trạm, bắt đầu con đường trở về rực rỡ gắm hoa/Một dòng sông xuân, chim oanh riu rít trên cành liễu) (*Bùi Công trí sự, thư tiễn*). Không gian quê nhà là không gian của sự sum họp với mẹ cha: “*Cao đường ban vũ tâm thiên ủy / Danh giáo tương khan lạc sự tồn*” (Mặc áo hoa mùa trên nhà, lòng riêng muốn an ủi cha mẹ /Nhìn vào nền danh giáo của gia đình, chuyện vui vẫn còn) (*Tiễn Tiên Điền tiến sỹ Nguyễn*). Không gian quê nhà còn là miền không gian của sự yên ổn, an toàn và thanh thản trong lòng người: “*Nhị thủy liên Tô chữ/ Phong ba bất đảo gian*” (Sông Nhị liên bên sông Tô /Là nơi sóng gió không đến) (*Tổng Lê Bảo Xuyên bệnh quy*).

Tiễn bạn đi nhậm chức, đặc biệt ở những miền biên viễn xa xôi, thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý thường tái hiện không gian biên tái. Đặc trưng nổi bật của miền không gian này là xa xôi, mờ mịt trong mây khói. Mây, khói làm không gian như xóa nhòa đi các ranh giới, tạo cảm giác về sự u ám bất tận: “*Mục Mã vân thâm vạn lĩnh bình*” (Trạm Mục Mã mây dày, muôn núi bằng phẳng) (*Tiễn Cao Bằng niết sứ Nguyễn Quân Tiến lục chi dị*), “*Cù Mông thiên ngoại bích vân thâm*” (Cù Mông ngoài trời xa, nơi hút sâu trong làn mây xanh biếc) (*Cự thuộc thông phán Trương Hữu Quỳnh hộ thủy xá quốc sử thượng kinh, phỏng ngụ sở cập hoàn, thư dũ chi*). Không gian ấy làm con người tăng thêm cảm giác cô

đơn và buồn: “*Thiên biên viễn phỏ quy hồng khứ/Lĩnh thượng cô vân chích mã trì*” (Nơi bên xa tận bên trời, chim hồng bay trở về, Trên núi chòm mây lẻ loi, một chú ngựa sai bước) (*Đông Chí bôi thứ thư tiễn Định Tường niết sứ Cao Hi Phùng*), “*Biên tái dao vân tần ủy nhận, Quan hà tôn tửu hướng phùng thu*” (Mây biên tái xa, nhiều lần nhờ cánh nhận đưa thư an ủi/Chén rượu nơi quan hà xa xôi, hướng lại gặp cảnh thu (càng buồn)) (*Thu tặng đồng quận tri phủ thăng Quảng Ngãi học chính Nguyễn Thai Nghị phủ Lai Kinh dẫn kiến hành thứ*)... Như vậy, gắn với các lý do đưa tiễn khác nhau là những miền không gian đặc trưng khác nhau. Mặc dù những miền không gian này đều trong tưởng tượng nhưng thể hiện được sự đồng cảm sâu sắc của người tiễn với người được tiễn.

Hình tượng nghệ thuật: Rượu và liễn là hai hình tượng tổng biệt nổi bật trong thơ tổng biệt Nguyễn Văn Lý. Hình tượng rượu xuất hiện trong thơ tổng biệt của ông với tần suất lớn (34/110 bài - 30,9%). Rượu tham gia vào các cuộc tổng tiễn giúp người đưa tiễn thể hiện trọn vẹn nỗi sầu, nỗi buồn ly biệt: “*Nhị thủy thuyền đầu tôn tửu lý/Quan hà duy biệt tức hồn tiêu*” (Đầu thuyền trên sông Nhị, lúc đối diện với chén rượu/Trong chón quan hà, chỉ khi chia biệt là buồn đến phiêu tán cả hồn) (*Tuyên Quang niết sứ Bùi Hữu Trúc nội chuyển quốc sử quán Toàn Tu, thư tiễn*). Nỗi sầu buồn đó như được nhân lên gấp bội khi gặp tiết Trùng Dương. Tết Trùng Dương hay còn gọi là tết Trùng Cửu, theo tập tục Trung Hoa xưa, đây là ngày các thi nhân lên núi, uống rượu, làm thơ. Đúng ngày này, tiễn bạn về quê, dưới tiết trời mưa gió xào xạc, cúc vàng gầy guộc càng khiến cho cảm hứng ly biệt chứa chan hơn bao giờ hết: “*Tôn tửu*

từ trùng dương biệt hứng xa” (Chén rượu Trùng Dương gợi nhiều cảm hứng khi chia biệt) (*Cửu nhật tống Nguyễn Niết quy điền*). Nỗi buồn ly biệt lại vào đúng tiết Trùng Dương làm con người rơi vào trạng thái say đến mức không thể làm thơ để tiễn khách: “*Trùng Dương dư hứng thử hàm bôi/Túy bất thành ngâm tống khách hồi*” (Thừa hứng tiết Trùng Dương, lúc này nâng chén/Say không làm được thơ để tiễn khách về) (*Tống biệt hữu hoài*)... Không chỉ thể hiện nỗi sầu, nỗi buồn, hình tượng rượu còn thể hiện sự tiếc nuối trong tâm hồn kẻ đi người ở: “*Tôn tửu tương phùng tích tạm phân*” (Một chén rượu gặp gỡ, tiếc phải tạm xa nhau) (*Tặng khế nghị Bảo Khê Nguyễn Ước Phu Trấn Tây tòng quân*). Các hành động như cạn chén, uống cạn góp phần thể hiện sâu sắc niềm tiếc nhớ khi chia xa. Uống cạn vì tiếc nhớ, uống cạn vì tình cảm dạt dào mà chỉ có cách gửi gắm qua chén rượu: “*Nhất tôn biệt tửu tích đồng khuynh*” (Một chén tiễn biệt, vì tiếc nhớ nên cùng uống cạn) (*Hà Nội đốc học thăng tư nghiệp Trang Liệt Phan Hữu Phủ chi hành*). Đi cùng với hình ảnh rượu ông thường dùng các từ chỉ cảm giác lạnh hoặc sự cô độc của con người, nhất là sau buổi biệt ly: “*Cúc ly srong vãn độc phù bôi*” (Giậu cúc srong muộn một mình cạn chén) (*Cửu nhật Hàn Vũ tiễn khế nhị Vũ Ninh phủ chi Nam Định trưởng khảo quan*)... Rượu còn gắn liền với cảm thức thời gian trong khi ly biệt: “*Tôn tửu mãn hoa ban*” (Trước chén rượu, tóc mai bạc lốm đốm) (*Tống Lê Bảo Xuyên bệnh quy*) hay “*Bạch phát tương phùng thả nhất châm*” (Tóc bạc gặp nhau, hãy rót chén rượu) (*Cửu thuộc thông phán Trương Hữu Quỳnh hộ thủy xá quốc sử thượng kinh, phỏng ngụ sở cập hoàn, thư dữ chi*)...

Bên cạnh rượu, liễu cũng là hình tượng nổi bật trong thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý. 16/110 bài xuất hiện hình tượng liễu. Trước hết, liễu hiện diện trong các cuộc tống tiễn như hình ảnh biểu trưng cho không gian đưa tiễn. Không gian ấy phảng phất phong vị Đường thi với những bờ dương liễu ngút ngàn tiễn đưa người lên đường: “*Nam phong dương liễu đê*” (Gió nam thổi bên bờ dương liễu) (*Phó bảng Phương Đình Nguyễn tử hội thí hậu ninh gia, thư tống*) hay những rặng liễu mờ ảo trong khói sương của ngày mưa: “*Dịch lâu yên liễu đoản trường thối*” (Lầu trạm dịch, trong khói sương liễu vượn cành vắng, cành dài) (*Cử nhật Hàn Vũ, tiễn khuê nhị Vũ Ninh phủ chi Nam Định trưởng khảo quan*). Không chỉ biểu trưng cho không gian đưa tiễn, liễu còn tham gia vào các cuộc tống tiễn như một phương tiện thể hiện các cung bậc cảm xúc của buổi tiễn biệt. Liễu là sự hóa thân xúc cảm của nhân vật trữ tình khi mang trên mình niềm vương vấn, lưu luyến không muốn chia xa: “*Khứ lưu giang liễu hệ ly đình*” (Liễu bên sông phớt phơ vương vấn ngôi đình tiễn đưa) (*Y hà niết nguyên vận tiễn Tiên Hưng thái thú Nguyễn Nghi*). Những hàng liễu tốt rợp bóng như là cách để người đưa tiễn khắc sâu nỗi buồn hận sâu thẳm khi phải chia tay người bạn đồng tâm thân thiết: “*Hoàng Sơn lai bí liễu âm âm/Biệt khứ vô đa hận chuyển thâm*” (Ruổi ngựa qua Hoàng Sơn, liễu tốt rợp bóng/Xa nhau không lâu mà nỗi buồn hận dần sâu lắng) (*Lễ bộ lang trung Ngô Dương Đình sung Hà Nội giám khảo, y lưu vận thư tiễn*). Liễu còn đi vào nỗi nhớ sau chia biệt. Trên bước đường đời dài dặc, nhớ về nhau là nhớ về cảnh liễu chia tay thuở nào: “*Bệnh trung thiên ức giang đình liễu*” (Trong lúc mang bệnh càng nhớ cảnh liễu chia tay nơi giang đình) (*Tiễn đồng niên binh*

biện Phạm Nghĩa Khê sung Gia Định trưởng chủ khảo). Ngoài hình tượng liễu, rượu, thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý còn xuất hiện nhiều hình tượng nghệ thuật khác như trăng, dòng sông, ngựa... những hình tượng này xuất hiện ít hơn, không tiêu biểu so với hình tượng rượu và liễu nhưng cũng góp phần giúp tác giả diễn tả sâu sắc hơn tâm trạng của nhân vật trữ tình khi tiễn biệt.

Có thể thấy sự kết hợp các kiểu thời gian, các mảng không gian khác nhau cũng như sử dụng những hình tượng nghệ thuật tiêu biểu đã giúp thơ tống biệt Nguyễn Văn Lý thể hiện trọn vẹn nội dung cảm xúc trong các cuộc tống tiễn.

3. Kết luận

Thơ tống biệt Chí Đình Nguyễn Văn Lý không chỉ có số lượng tương đối lớn mà còn thể hiện được những nét nổi bật trong nội dung cảm xúc và nghệ thuật. Dễ nhận thấy, cảm xúc tống tiễn trong thơ ông rất đa dạng nhưng dù là tình cảm với đất nước, quê hương, gia đình hay tình cảm bạn bè thì đều rất chân thành, dung dị, xúc động. Vì thế, tuy khai thác đề tài mang đậm tính quy phạm của văn học trung đại nhưng ông vẫn giúp cho các cuộc tống tiễn trong thơ trở nên đời thường, gần gũi. Trên nền những đặc trưng nghệ thuật của văn học trung đại trong cách thể hiện thời gian, không gian, hình tượng nghệ thuật, Nguyễn Văn Lý đã tương đối thành công khi kết hợp khéo léo các mảng không gian, thời gian cũng như khai thác các hình tượng tiêu biểu trong thơ tống biệt để diễn tả sâu sắc những cung bậc cảm xúc khác nhau của buổi tiễn biệt. Thơ tống biệt của ông đã thực sự góp phần quan trọng vào sự phát triển của thể tài tống biệt trong thơ trung đại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hán Thị Thu Hiền (2021). Thơ tổng biệt trung đại Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX. Luận án Tiến sỹ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1977). Thơ văn Lý Trần, tập 1. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1978). Thơ văn Lý Trần, tập 3. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1989). Thơ văn Lý Trần, tập 2 (quyển thượng). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5] Bùi Duy Tân (1991). Nguyễn Bào, nhà thơ, danh nhân văn hóa. Nhà xuất bản Văn hóa, Sở Văn hóa Thông tin Thái Bình, Thái Bình.
- [6] Chí Đĩnh Nguyễn Văn Lý (2015). Tổng tập thơ văn - tập 1. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Chí Đĩnh Nguyễn Văn Lý (2015). Tổng tập thơ văn - tập 2. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Phạm Phú Thứ toàn tập (2014). Nhà xuất bản Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [9] Cao Bá Quát toàn tập - tập 1 (2004). Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
- [10] Cao Bá Quát toàn tập - tập 2 (2012). Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
- [11] Tuyển tập thơ văn Phương Đình - Nguyễn Văn Siêu - tập 3 (2010). Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội.
- [12] Trần Thị Băng Thanh (2015). Nguyễn Văn Lý - kẻ sỹ, nhà văn hóa đất Thăng Long (in trong Chí Đĩnh Nguyễn Văn Lý, tổng tập thơ văn tập 1). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [13] Hán Thị Thu Hiền (2018). Khát vọng trở về trong thơ tổng biệt Chí Đĩnh Nguyễn Văn Lý, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 11/2018, 78-81.
- [14] Tào Trang (2015). Nguyễn Văn Lý - con người của kinh thành Thăng Long (in trong Chí Đĩnh Nguyễn Văn Lý, tổng tập thơ văn tập 1). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.

CHARACTERISTICS OF THE FAREWELL POETRY OF CHI DINH NGUYEN VAN LY**Han Thi Thu Hien¹, Duong Thi Bich Lien¹***¹Faculty of Social Sciences, Culture and Tourism, Hung Vuong University, Phu Tho,***Abstract**

The author Nguyen Van Ly had a lot of farewell poems with 110 works. These poems have many outstanding features in emotional content and artistic expression. In terms of emotional content, his farewell poems have shown affection for the country, homeland, family, and friendship. These emotional contents are all touching, sincere, and simple. In terms of artistic expression, the interweaving of different types of time and space, as well as the use of typical artistic images have contributed to deeply expressing the different emotion levels of the farewell party.

Keywords: *Nguyen Van Ly, farewell poetry, emotional content, art.*